

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2023/DS-PT

Ngày: 06/3/2023

V/v tranh chấp “Hợp đồng gửi giữ tài sản và đòi lại tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Mai Hoàng Khải;**

*Các Thẩm phán:*

Ông **Lê Thanh Vân;**

Ông **Võ Ngọc Giàu.**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Diễm Nhi** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:** Bà **Lê Thị Thắm** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 02 và 06 tháng 3 năm 2023, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 342/2022/TLPT-DS ngày 24 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp “Hợp đồng gửi giữ tài sản và đòi lại tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 216/2022/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 434/2022/QĐ-PT ngày 13 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị Bảo Ng**, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Khu vực L, phường T, Quận T, Thành Phố Cần Thơ.

*Đại diện theo ủy quyền của bà Ng:*

- Ông **Nguyễn Văn Tr**, sinh năm 1967, Địa chỉ: số x, tổ y, khu p, thị trấn C, huyện C, Tiền Giang. (Văn bản ủy quyền ngày 27/4/2020). (có mặt)

- Anh **Trần Văn A**, sinh năm 1990, Địa chỉ: Số a, phường, quận N, Thành phố Cần Thơ. (vắng mặt)

2. *Bị đơn:*

2.1. Bà **Nguyễn Thị Ngọc B**, sinh năm 1969.

Địa chỉ : ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

*Đại diện theo ủy quyền của bà B:* Ông **Nguyễn Anh T**, sinh năm 1940, Địa chỉ: số c Quốc Lộ S, phường K, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. (Văn bản ủy quyền ngày 27/4/2021). (có mặt)

2.2. Anh **Huỳnh Hữu Ng**, sinh năm 1994.

Địa chỉ : ấp Th, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

*Đại diện theo ủy quyền của anh Ng:* Bà **Nguyễn Thị Ngọc B**, sinh năm 1969. Địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang, (Văn bản ủy quyền được chứng thực ngày 01/12/2020). (có mặt)

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông **Trần Văn C**, sinh năm 1976;

3.2. Bà **Cao Thị G**, sinh năm 1980;

Cùng địa chỉ : ấp T1, xã Tr, huyện Đ, Thành Phố Cần Thơ.

Tạm trú : ấp Ph, xã P, huyện Đ, TP. Cần Thơ.

*Đại diện theo ủy quyền của ông C, bà G:* Anh **Huỳnh Nguyên H**, sinh năm 1994; Địa chỉ : Số v, Khu biệt thự U, đường N, Phường K, TP Th, TP HCM. (có mặt)

(Theo giấy ủy quyền được chứng thực số 43 ngày 24/02/2023)

3.3. Anh **Huỳnh Hữu Nh**, sinh năm 2003;

Địa chỉ : ấp Th, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

*Đại diện theo ủy quyền của anh Nh:* Bà **Nguyễn Thị Ngọc B**, sinh năm 1969. Địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Văn bản ủy quyền được chứng thực ngày 01/12/2020).

3.4. Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1939; (vắng mặt)

Địa chỉ : ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

**4. Người kháng cáo:** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **Trần Văn C, Cao Thị G.**

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo bản án sơ thẩm,*

***Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 10/3/2020 các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm ông Tr đại diện ủy quyền nguyên đơn bà Lê Thị Bảo Ng trình bày:***

Bà Ng có kinh doanh xay xát và mua bán lúa gạo nên vào tháng 11/2007 bà có thỏa thuận với ông Huỳnh Hữu Ngh, sinh năm 1962. Địa chỉ: ấp Th, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang (đã chết ngày 07/6/2018) để ký gởi vào kho của ông 40.900kg gạo Lài và 16.950kg tấm nhằm mục đích khi nào giá cao nhờ ông Ngh bán dùm với chi phí lưu kho là 2.300.000 đồng. Do ông Ngh có uy tín tại địa phương nên chỉ thỏa thuận miệng không có lập thành văn bản, nên vào ngày 23 và 25 tháng 11 năm 2007 bà Ng có thuê ghe ông C và bà G (không có làm hợp đồng) để chở 02 ghe gạo và tấm nói trên đến lưu tại kho của ông Ngh như đã thỏa thuận, bà Ng cũng đã trả tiền thuê ghe cho ông C đầy đủ số tiền bao nhiêu thì ông không nắm. Do không tin tưởng ông C, bà G nên trước khi chở gạo đến kho của ông Ngh thì bà Ng đã nhiều lần điện thoại khẳng định số gạo nói trên là của bà chứ không phải của ông C, bà G, nhưng ông C, bà G nói với ông Ngh số gạo và tấm này là của mình nên yêu cầu ông Ngh bán dùm và đã nhận số tiền 100.000.000 đồng vào ngày 24/11/2007.

Sau đó bà Ng đã tố cáo đến các cơ quan có thẩm quyền và có đến vừa của ông Ngh yêu cầu ông Ngh xác nhận số gạo trên là của bà Ng và ông Ngh cũng đồng ý ký xác nhận (hiện biên nhận này bà Ng đã nộp cho Tòa án huyện Đ) đồng thời yêu cầu ông Ngh không được giao số tiền còn lại cho ông C, bà G để chờ cơ quan có thẩm quyền giải quyết nhưng ông Ngh vẫn cố tình giao số tiền còn lại cho ông C, bà G tổng cộng 1.270.000.000 đồng.

Do cơ quan chức năng không khởi tố vụ án nên bà Ng nộp đơn khởi kiện ông C, bà G đến Toà án huyện Đ thành phố Cần Thơ yêu cầu trả số tiền 1.270.000.000 đồng, nhưng Toà án đã tách yêu cầu khởi kiện của bà Ng đòi ông C, bà G và ông Ngh trả giá trị 02 ghe gạo và tấm đã gửi tại kho của ông Ngh với số tiền 407.412.000 đồng (sau khi trừ tiền lưu kho là 405.112.000 đồng) thành một vụ kiện khác do đây là giao dịch khác.

Nay bà Ng yêu cầu hàng thừa kế của ông Ngh là bà Nguyễn Thị Ngọc B, Huỳnh Hữu Nh, Huỳnh Hữu Ng và bà Nguyễn Thị H cùng với ông Trần Văn C, bà Cao Thị G có trách nhiệm liên đới trả cho bà Lê Thị Bảo Ng số tiền 407.412.000 đồng và lãi suất chậm trả 10%/năm tính từ ngày 29/11/2007 cho đến ngày xét xử vụ án, trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại tòa sơ thẩm ông Tr xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền thuê kho của ông Ngh là 2.300.000 đồng và lãi suất chậm trả 10%/năm tính từ ngày 29/11/2007 cho đến ngày xét xử.

***Tại bản tự khai các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm ông Nguyễn Anh T đại diện bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc B trình bày:***

Bà Ng yêu cầu hàng thừa kế thứ nhất của ông Ngh gồm bà Nguyễn Thị Ngọc B, Huỳnh Hữu Nh, Huỳnh Hữu Ng và bà Nguyễn Thị H trả số tiền bán gạo và lãi là không có cơ sở, vì không có hợp đồng nào thể hiện giao dịch giữa bà Ng với ông Ngh, tại tòa án huyện Đ thì ông C cho rằng số gạo là của ông chứ không phải của bà Ng và đã thuê vừa ông Ngh để gửi và nhờ ông Ngh bán dùm chứ không phải của bà Ng. Còn ông Ngh khai rằng vừa gạo của ông có nhận 02 ghe gạo từ Cần Thơ chuyển đến chủ ghe tên T giao cho đội trưởng bốc vác tên L và nói là gạo của ông C gửi số lượng bao nhiêu thì không biết, lúc giao chỉ có mặt ông T, không có mặt bà Ng.

Qua kết quả xác minh của Tòa án huyện Đ có nội dung việc giao nhận 02 ghe gạo chỉ thể hiện giao gạo của chủ nghe tên T và đội trưởng tên L, đồng thời xác định rằng ông C là người thuê ghe của anh T và trả tiền thuê ghe. Biên nhận 29/11/2007 do nguyên đơn cung cấp không có giá trị pháp lý, do biên nhận có hai màu mực thể hiện sửa chữa thêm vào và bút tích của bà Ng là dư không đúng, về nội dung cũng không thể hiện có bao nhiêu bao Tấm và bao nhiêu bao Gạo và số lượng kg là bao nhiêu, biên nhận mâu thuẫn về thời gian giao nhận hàng cụ thể theo đơn bà Ng trình bày ghe chở gạo đến vừa ngày 23, 25/11/2007

nhưng biên nhận nhận hàng là ngày 29/11/2007. Sau đó, ông Ngh đã thanh toán xong cho ông C số tiền 02 ghe gạo này, không còn nợ số tiền nào.

Nay bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc B không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Ng về việc yêu cầu hàng thừa kế ông Ngh liên đới cùng với ông C và bà G trả số tiền 407.412.000 đồng.

***Tại bản tự khai các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bà Nguyễn Thị Ngọc B đại diện ủy quyền của anh Huỳnh Hữu Ng và anh Huỳnh Hữu Nh trình bày:***

Anh Ng và anh Nh thống nhất với ý kiến của bà Nguyễn Thị Ngọc B không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Ng về việc yêu cầu hàng thừa kế ông Ngh liên đới cùng với ông C và bà G trả số tiền 407.412.000 đồng.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H, ông Trần Văn C và bà Cao Thị G:*** Đã được Tòa án cấp sơ thẩm tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra giao nộp chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng không cung cấp ý kiến lời khai đối với nguyên đơn bà Ng khởi kiện và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

**\* Bản án dân sự sơ thẩm số:** 216/2022/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng Điều 255, Điều 256 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 25 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

### **Xử:**

**1.** Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Lê Thị Bảo Ng về việc không yêu cầu những người thừa kế ông Ngh gồm: Cụ Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Ngọc B, Huỳnh Hữu Ng, Huỳnh Hữu Nh, ông Trần Văn C và bà Cao Thị G liên đới trả số tiền thuê kho của ông Ngh là 2.300.000 đồng và lãi suất chậm trả 10%/năm tính từ ngày 29/11/2007 cho đến ngày xét xử.

**2.** Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Bảo Ng về việc yêu cầu những người thừa kế của ông Huỳnh Hữu Ngh gồm bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Ngọc B, Huỳnh Hữu Ng và Huỳnh Hữu Nh liên đới cùng với ông Trần Văn C và bà Cao Thị G trả số tiền 405.112.000 đồng.

**3.** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Bảo Ng.

Buộc ông Trần Văn C và bà Cao Thị G liên đới trả cho bà Lê Thị Bảo Ng số tiền 405.112.000 đồng (Bốn trăm lẻ năm triệu một trăm mười hai ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản

tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 01/11/2022 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Trần Văn C và Cao Thị G kháng cáo không đồng ý toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm. (Bút lục số 224)

**Tại phiên tòa phúc thẩm**, anh Huỳnh Nguyên H là người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn C, bà Cao Thị G yêu cầu Tòa phúc thẩm hủy một phần quyết định án sơ thẩm về phần buộc ông C, bà G trả cho bà Ng 405.112.000 đồng do Tòa sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng thu thập chứng cứ không phù hợp. Về nội dung xử buộc người liên quan không có căn cứ. Người đại diện cho bà Lê Thị Bảo Ng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị giữ y án sơ thẩm. Người đại diện cho bị đơn đề nghị giữ y án sơ thẩm về phần không buộc bị đơn trả tiền theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:**

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký tòa án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm chuẩn bị nghị án đều được tiến hành đúng trình tự thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng đúng luật định.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án, Kiểm sát viên nhận định Tòa sơ thẩm xử buộc ông Trần Văn C, bà Cao Thị G phải trả cho bà Lê Thị Bảo Ng 405.112.000 đồng là chưa đủ căn cứ. Vi phạm thủ tục tố tụng, xác định sai quan hệ tranh chấp, chưa làm rõ bà Nguyễn Thị H xuất cảnh đi nước ngoài. Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đều là bản photo không thu thập bản gốc. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 3 Điều 308, 310 của BLTTDS. Hủy bản án sơ thẩm giao hồ sơ cho cấp sơ thẩm xét xử lại.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm. Nghe các đương sự trình bày, tranh luận. Ý kiến phát biểu nhận xét và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát. Xét thấy:

[1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn C và bà Cao Thị G thực hiện quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định là đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273, 276 của BLTTDS nên được chấp nhận để tiến hành xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Về tư cách người tham gia tố tụng nguyên đơn Lê Thị Bảo Ng ủy quyền cho Trần Văn A và Nguyễn Văn Tr làm đại diện. Bị đơn Nguyễn Thị Ngọc B ủy quyền cho ông Nguyễn Anh T làm đại diện. Anh Huỳnh Hữu Ng ủy quyền cho Nguyễn Thị Ngọc B, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Hữu Nh ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Ngọc B làm đại diện. Việc ủy quyền được thực hiện đúng theo quy định tại Điều 85, 86 của BLTTDS nên chấp nhận. Bà Nguyễn Thị H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được tòa án cấp phúc thẩm triệu tập

hợp lệ lần thứ 2 dự phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên căn cứ vào Điều 296 BLTTDS xét xử vắng mặt bà Hà.

[2] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc B, Huỳnh Hữu Nh, Huỳnh Hữu Ng, bà Nguyễn Thị H là người thừa kế của ông Huỳnh Hữu Ngh (đã chết) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Trần Văn C, Cao Thị G trả cho bà Ng tiền giá trị 02 ghe gạo và tấm bà ký gửi tại kho ông Huỳnh Hữu Ngh là 407.412.000 đồng và tiền lãi 10%/năm từ ngày 29/11/2007 đến ngày xét xử tiền thuê kho 2.300.000 đồng. Yêu cầu khởi kiện của bà Ng là tranh chấp hợp đồng gửi giữ tài sản và đòi lại tài sản thuộc thẩm quyền và phạm vi xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 5, khoản 2, 3 Điều 26 của BLTTDS và các Điều 256, 280, 290, 298, 535, 536, 559, 560, 561, 562 BLDS năm 2005 về hợp đồng gửi giữ tài sản và đòi lại tài sản không phải tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản như án sơ thẩm xác định nên cần xác định lại cho đúng.

[3] Về nội dung tranh chấp và yêu cầu giải quyết: Nguyên đơn Lê Thị Bảo Ng ủy quyền cho ông Nguyễn Văn Tr trình bày: Bà Ng làm nghề xay xát và mua bán lúa gạo có quen biết ông Huỳnh Hữu Ngh ở ấp Th, xã A, huyện C, Tiền Giang là người có uy tín, có kho cho thuê chứa lúa gạo nên vào ngày 23 và 25/11/2007 bà Ng thuê ghe của ông Trần Văn C (bằng hợp đồng miệng) chở 02 ghe gạo lài 40.900kg và tấm 16.950kg ký gửi vào kho của ông Huỳnh Hữu Ngh nhờ ông Ngh bán dùm với chi phí lưu kho là 2.300.000 đồng. Trước khi giao ông C chở gạo đến kho ông Ngh gửi bà Ng có điện thoại báo cho ông Ngh là gạo của bà nhưng ông C nói với ông Ngh là gạo và tấm của ông C yêu cầu bán dùm nên đã nhận 100.000.000 đồng do ông Ngh giao cho ông C. Khi phát hiện ông C nhận tiền bán gạo do ông Ngh giao bà đã làm đơn tố cáo gửi cơ quan công an và yêu cầu ông Ngh không giao số tiền còn lại cho ông C nhưng ông Ngh tiếp tục giao hết tiền cho ông C nên bà Ng khởi kiện yêu cầu ông C, bà G và ông Ngh trả lại giá trị 02 ghe gạo, tấm đã gửi tại kho ông Ngh là 405.112.000 đồng nhưng nay ông Ngh đã chết nên bà Ng yêu cầu ông C bà G và những người thừa kế của ông Ngh là: Nguyễn Thị Ngọc B, Huỳnh Hữu Nh, Huỳnh Hữu Ng, Nguyễn Thị H cùng liên đới nghĩa vụ trả cho bà Ng 405.112.000 đồng, 2.300.000 đồng tiền thuê kho và tính lãi 10%/năm, từ ngày 29/11/2007 đến ngày xét xử.

Tại tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà Ng xin rút lại yêu cầu tính lãi và 2.300.000 đồng tiền thuê kho.

Bị đơn Nguyễn Thị Ngọc B đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của Huỳnh Hữu Nh, Huỳnh Hữu Ng đều không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị Bảo Ng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Văn C, Cao Thị G, Nguyễn Thị H đều vắng mặt trong suốt quá trình tòa sơ thẩm giải quyết vụ án và không cung cấp, giao nộp tài liệu chứng cứ, không có văn bản thể hiện ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị Bảo Ng.

Án sơ thẩm xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ng buộc ông C và bà G có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Ng số tiền 405.112.000 đồng. Ông C, bà G không chấp nhận với quyết định án sơ thẩm nên kháng cáo.

[4] Qua xem xét yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn C, bà Cao Thị G và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhận thấy:

[4.1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Lê Thị Bảo Ng khởi kiện yêu cầu bị đơn Nguyễn Thị Ngọc B, Huỳnh Hữu Ng (là vợ và con của ông Huỳnh Hữu Ngh đã chết) cùng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Trần Văn C, Cao Thị G có nghĩa vụ trả lại giá trị số gạo và tấm bà Ng ký gửi vào kho ông Huỳnh Hữu Ngh vào ngày 23 và 25/11/2007. Nhưng Tòa sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp vừa là “Đòi lại tài sản, vừa là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” nên giải quyết không đúng với tính chất của vụ án, được quy định tại khoản 1 Điều 5 của BLTTDS.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa sơ thẩm thu thập chứng cứ xác định thêm hàng thừa kế thứ nhất của ông Huỳnh Hữu Ngh là Huỳnh Hữu Nh (Con ông Ngh), Nguyễn Thị H (mẹ ông Ngh) nên đưa 02 người này vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Bút lục số 69). Trong đó bà Nguyễn Thị H có Passport do Hoa Kỳ cấp, được đại sứ quán Việt Nam tại Hoa Kỳ cấp giấy miễn thị thực nhập cảnh về Việt Nam vào ngày 09/01/2019 (Bút lục số 91-97) thế nhưng Tòa sơ thẩm không tiến hành xác minh thu thập chứng cứ về nhân thân, địa chỉ cư trú để tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Hà theo Điều 97 của BLTTDS.

[4.2] Theo hồ sơ thể hiện việc tranh chấp giữa bà Ng với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với giá trị 02 ghe gạo, tấm còn có Trần Trọng Tr, Nguyễn Văn C, Võ Văn V, người tên T đã vận chuyển giao nhận gạo, tấm tại kho HN, xã A, huyện C nhưng chưa được tiến hành xác minh lấy lời khai.

Toàn bộ tài liệu chứng cứ Tòa sơ thẩm thu thập làm cơ sở giải quyết đều là bản photo được sao chụp từ hồ sơ giải quyết tranh chấp của Tòa án nhân dân huyện Đ, Thành phố Cần Thơ, và Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ. Trong đó có giấy viết tay của bà Ng gửi cho ông Ngh (Bút lục số 14) và biên nhận của chủ vựa HN ký nhận 02 ghe gạo (Bút lục số 14).

[4.3] Về nội dung vụ án: Ông Ngh thừa nhận có nhận 02 ghe gạo, tấm do ông C giao vào ngày 23 và 25/11/2007 và có nhận thư tay của bà Ng gửi gạo cho ông Ngh. Đến ngày 29/11/2007 bà Ng phát hiện ông Ngh bán gạo giao tiền cho ông C 100.000.000 đồng nên bà Ng làm đơn yêu cầu công an giải quyết, được công an xã A lập biên bản lấy lời khai và ông Ngh có làm biên nhận 02 ghe gạo cho bà Ng. Tại biên bản ghi lời khai ngày 17/7/2018 của công an xã A, huyện C ông Ngh khai, trước khi 02 ghe gạo được chuyển đến thì ông C và bà Ng đều gọi điện thoại cho ông nói số gạo là của họ. Ông nghĩ, ông C và bà Ng làm ăn chung nên ngày 24/11/2007 ông đã đưa cho ông C 100.000.000 đồng. Đến ngày 29/11/2007 bà Ng đến vựa của ông nói số gạo là của bà Ng nên xảy ra tranh chấp, công an xã A lập biên bản kêu ông giữ số tiền còn lại. Nhưng sau đó bà Ng không đến còn ông C năn nỉ và khẳng định số gạo đó của ông nên ông đã

giao hết số tiền còn lại cho ông C tổng cộng 407.412.000 đồng (Bút lục số 14, 18, 19, 22, 23 đều là bản photo).

[5] Xét thấy ông Ngh nhận gửi giữ tài sản của bà Ng, ông C đang xảy ra tranh chấp được công an lập biên bản yêu cầu ông tạm giữ chờ giải quyết nhưng ông đã tự ý giao hết cho ông C nên ông Ngh phải có nghĩa vụ bồi thường cho chủ sở hữu hợp pháp. Nhưng trong hồ sơ chưa có đầy đủ chứng cứ xác định được ai là chủ sở hữu hợp pháp của 02 ghe gao, trọng lượng bao nhiêu và cũng không có chứng cứ chính xác ông Ngh đã giao đầy đủ 407.412.000 đồng hay 405.112.000 đồng cho ông Trần Văn C nhận hay chưa.

[6] Mặt khác: Án sơ thẩm nhận định bà Ng kiện yêu cầu cụ Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Ngọc B, Huỳnh Hữu Ng, Huỳnh Hữu Nh là thừa kế của ông Huỳnh Hữu Ngh cùng Trần Văn C, Cao Thị G có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ 02 ghe gao 405.112.000 đồng là có căn cứ chấp nhận một phần (Bút lục số 217) nhưng chỉ buộc ông C, bà G trả cho bà Ng 405.112.000 đồng mà không xác minh làm rõ, khi còn sống ông Ngh làm kinh tế như thế nào, gia đình vợ con có tham gia trực tiếp hay gián tiếp không, tài sản của ông Ngh, sau khi chết ai quản lý, để từ đó có căn cứ chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là chưa đúng với quy định của pháp luật. (Tòa sơ thẩm chỉ yêu cầu UBND xã A và VPĐK đất đai huyện C cung cấp thông tin ông Ngh không có đăng ký đứng tên QSDĐ tại địa phương là chưa đủ).

Án sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng và thiếu sót nhiều nội dung quan trọng cấp phúc thẩm không thể bổ sung khắc phục được nên cần phải hủy án sơ thẩm giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm đúng luật định.

Do hủy án giao hồ sơ cho cấp sơ thẩm giải quyết lại nên ông C, bà G không phải chịu án phí DSPT.

Xét yêu cầu kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của ông C, bà G nêu tại phiên tòa phúc thẩm có cơ sở được chấp nhận.

Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị hủy án là có căn cứ, phù hợp với phần nhận định của Tòa án nên ghi nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 293, khoản 3 Điều 148, Khoản 3 Điều 308, Điều 310, 313 của BLTTDS;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm 216/2022/DS-ST ngày 29/9/2022 của TAND huyện C, tỉnh Tiền Giang. Chuyển hồ sơ vụ án cho TAND huyện C, tỉnh Tiền Giang giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí:



Ông Trần Văn C và bà Cao Thị G không phải chịu án phí DSPT. Nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Trả lại ông Trần Văn C và bà Cao Thị G 600.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010418 và số 0010417 cùng ngày 01/11/2022 của CC THADS huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CC THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Mai Hoàng Khải**